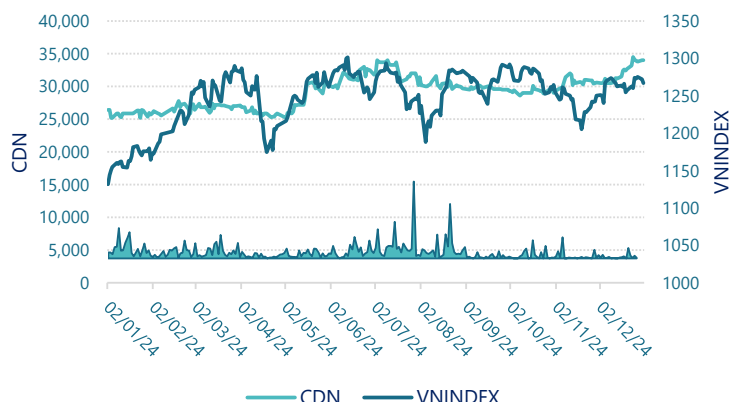


CTCP Cảng Đà Nẵng (HNX: CDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,191
SL cổ phiếu LH	99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,515
% sở hữu nước ngoài	20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,366
P/E	11.2
EPS	3,044

DT thuần

Q4/24

381

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0 | 4.2%

YoY: ▲ 50.0 | 15.2%

LN sau thuế

Q4/24

72.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 7.50 | -9.5%

YoY: ▲ 1.80 | 2.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

27.2%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

2024

1,453

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 218 | 17.6%

LN sau thuế

2024

301

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0 | 9.4%

ROE

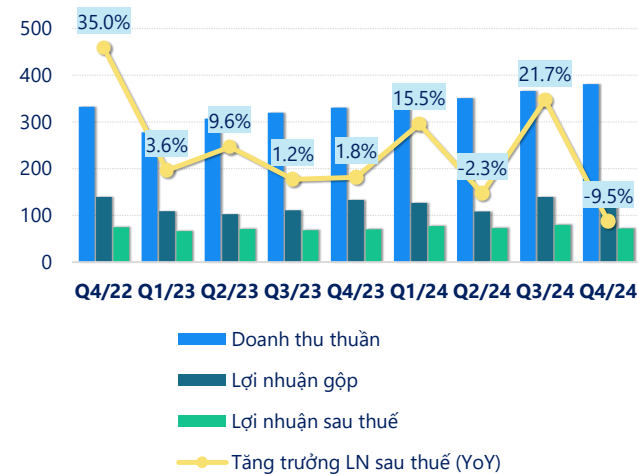
2024

17.1%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

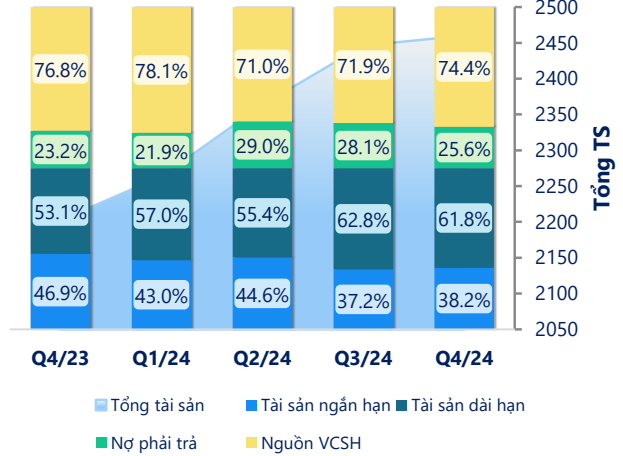
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

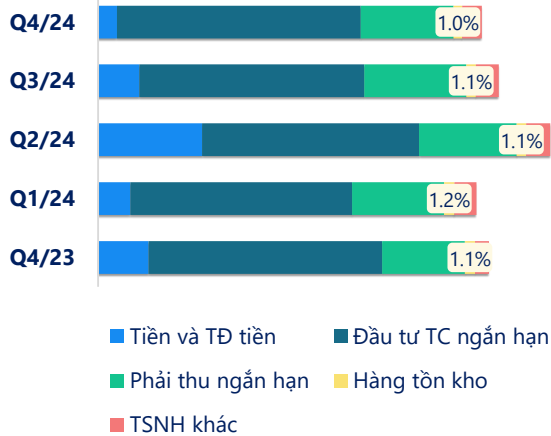
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



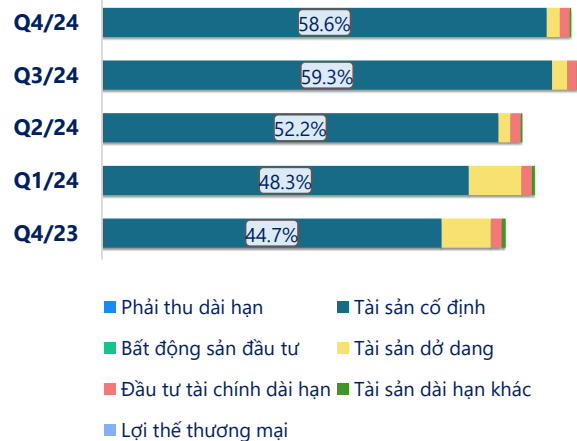
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

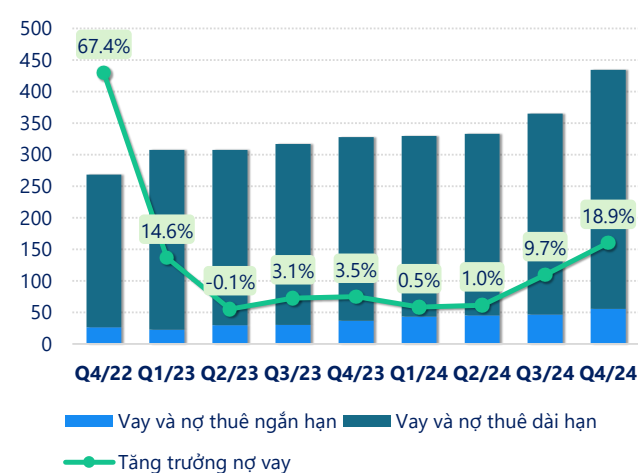
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

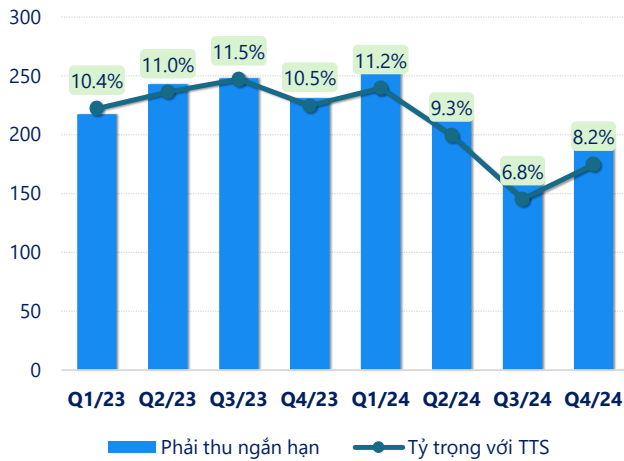
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



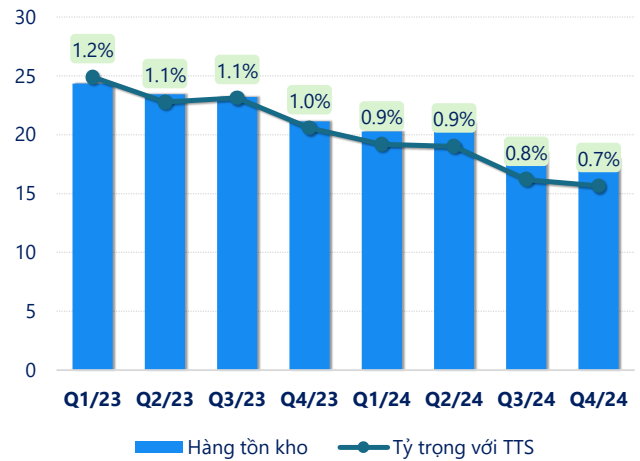
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


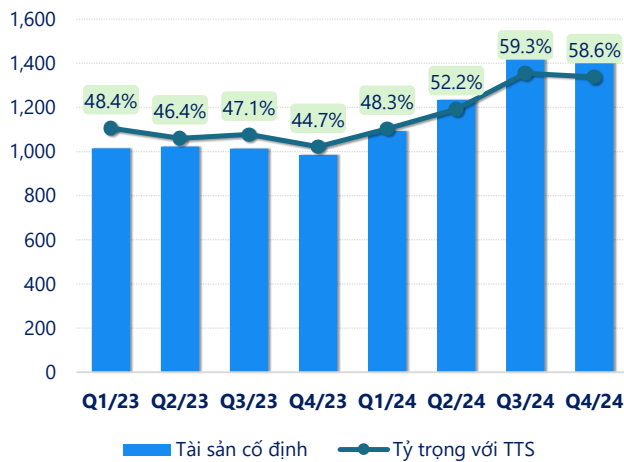
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


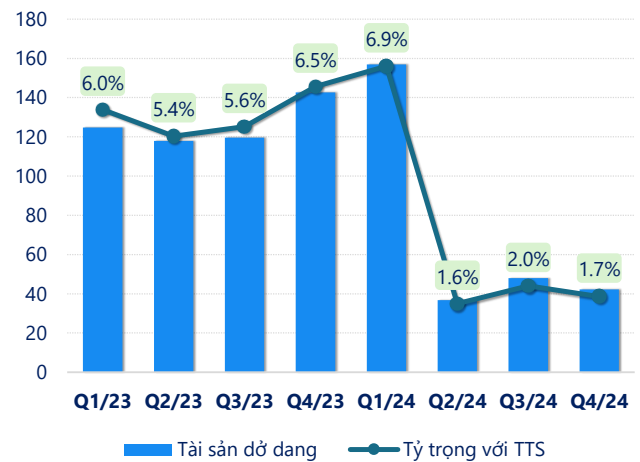
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

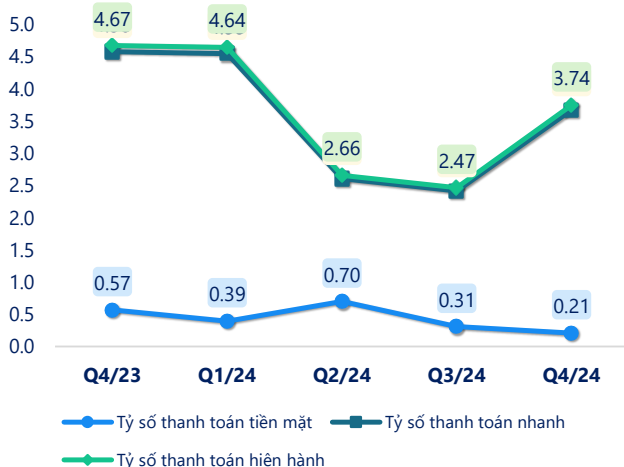
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

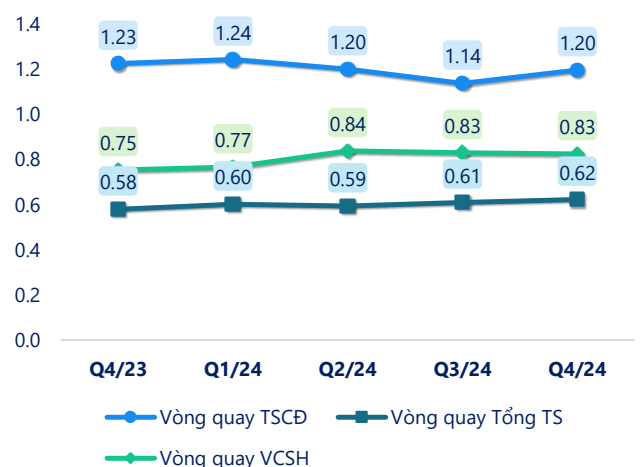
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,202	2,263	2,364	2,446	2,460
Tài sản ngắn hạn	1,032	973	1,055	910	940
Tiền và tương đương tiền	125	82.6	278	114	52.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	606	548	473	534	595
Phải thu ngắn hạn	231	253	220	166	201
Hàng tồn kho	21.1	20.3	21.0	18.5	18.0
Tài sản ngắn hạn khác	48.7	68.9	64.0	78.1	74.9
Tài sản dài hạn	1,171	1,290	1,308	1,536	1,520
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	985	1,093	1,234	1,450	1,440
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	143	157	36.7	47.9	42.2
Đầu tư tài chính dài hạn	30.8	30.8	31.6	31.8	32.0
Tài sản dài hạn khác	12.3	8.95	6.31	6.69	5.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	512	496	685	688	630
Nợ ngắn hạn	221	210	397	369	251
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.8	43.5	45.3	46.5	55.5
Phải trả người bán ngắn hạn	49.7	61.6	53.1	75.6	60.7
Nợ dài hạn	291	286	288	319	379
Vay và nợ thuê dài hạn	291	286	288	319	379
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,690	1,768	1,679	1,758	1,830
Vốn chủ sở hữu	1,690	1,768	1,679	1,758	1,830
Vốn điều lệ	990	990	990	990	990
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)